

NGHỊ QUYẾT
Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN KON RÃY
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét Tờ trình số 182/TTr-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện về dự thảo Nghị quyết phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2024; Báo cáo số 456/BC-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện về kết quả thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 154/BC-BKTXH ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện, ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Về kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023

Trong năm 2023, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục ổn định và phát triển, nhiều chỉ tiêu quan trọng của huyện đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch như: Thu ngân sách nhà nước tại địa bàn; trồng cây ăn quả, cây mắc ca và phát triển rừng. Công tác quản lý nhà nước về lâm nghiệp được triển khai quyết liệt. Các công trình được đầu tư xây dựng có trọng tâm, trọng điểm. Kỷ luật, kỷ cương hành chính được chú trọng. Chất lượng giáo dục ngày càng được nâng lên. Các chế độ, chính sách về an sinh xã hội và giảm nghèo được triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. Tình hình dịch bệnh được kiểm soát tốt; chất lượng khám, chữa bệnh được cải thiện. Cải cách thủ tục hành chính đạt được nhiều kết quả tích cực. Công tác thanh tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo được triển khai nghiêm túc. Quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số khó khăn, tồn tại: Công tác tham mưu triển khai thực hiện nhiệm vụ của một số cơ quan, đơn vị chất lượng

chưa cao. Việc giải ngân nguồn vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia chưa đạt kế hoạch giao.

Nguyên nhân của những hạn chế: Các cơ quan, đơn vị chưa thật sự chủ động, sâu sát trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao. Công tác chỉ đạo điều hành ở một số thời điểm còn chưa quyết liệt, chưa kết hợp tốt giữa công tác giao việc với kiểm tra đôn đốc và xử lý trách nhiệm. Các văn bản hướng dẫn của Trung ương về việc thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia còn chậm.

Điều 2. Về mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu năm 2024

1. Mục tiêu tổng quát: Tập trung các giải pháp khai thác, phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương; triển khai quyết liệt các giải pháp trong thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, chú trọng triển khai có hiệu quả các chương trình MTQG gắn với công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn; quản lý, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên, đất đai, môi trường gắn với ứng phó biến đổi khí hậu; tiếp tục quan tâm phát triển giáo dục-đào tạo, y tế, văn hoá, thể thao, từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; giải quyết tốt các chế chính sách, đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng; đảm bảo quốc phòng, an ninh; ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn

2. Chỉ tiêu chủ yếu năm 2024

2.1. Về kinh tế

- Tổng giá trị sản xuất: 2.192 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân đầu người: 39,42 triệu đồng/người/năm.
- Tổng thu ngân sách Nhà nước: 386.732 triệu đồng, trong đó: Thu ngân sách nhà nước tại địa bàn 83.900 triệu đồng.
 - Tổng chi ngân sách địa phương: 386.732 triệu đồng.
 - Tổng vốn đầu tư (ngân sách huyện): 75.809 triệu đồng, trong đó:
 - + Chi đầu tư phát triển (chưa tính các Chương trình Mục tiêu quốc gia): 6.588 triệu đồng.
 - + Chi từ nguồn thu sử dụng đất: 440 triệu đồng.
 - + Vốn Phân cấp hỗ trợ xây dựng nông thôn mới 3.000 triệu đồng.
 - + Vốn Phân cấp hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách 2.500 triệu đồng;
 - + Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã: 1.350 triệu đồng.
 - + Nguồn thu tiền sử dụng đất theo dự toán trung ương giao chi thực hiện công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây

dựng cơ sở, đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính và lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất 1.800 triệu đồng.

+ Đầu tư từ nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giao tăng thu so với dự toán trung ương giao để đầu tư cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên 3.400 đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 27.550 triệu đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 29.181 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp CTMTQG: 24.380 triệu đồng.

- Tổng diện tích gieo trồng đạt 13.136,1 ha. Diện tích cây ăn quả trồng mới 170 ha; trồng rừng sản xuất 240 ha.

- Xây dựng thêm 03 sản phẩm đạt 03 sao.

- Tổng đàn gia súc, gia cầm đạt 123.548 con.

2.2. Về văn hóa - xã hội và môi trường

- Dân số trung bình: 32.100 người.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,52%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 53,5%
- Huy động học sinh đến lớp các cấp học: 9.320 học sinh.
- Bảo đảm chỉ tiêu giường bệnh: 145 giường.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm: 4,5%.
- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế: 98,01%.
- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội: 18,98%.
- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm thất nghiệp: 8,81%.
- Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng theo chiều cao xuống còn 19%.
- Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng theo cân nặng xuống còn 16,8%.
- Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa 95%.
- Tỷ lệ thôn, làng đạt danh hiệu thôn, làng văn hóa 97,96%.
- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 99,1%.
- Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số có đất ở đạt trên 99%.
- Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số có đất sản xuất đạt trên 99%.

2.3. Về quốc phòng, an ninh: Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đạt trên 90%; tỷ lệ xã, thị trấn có phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đạt từ loại khá trở lên đạt 100%.

2.4. Các chỉ tiêu khác: Tại phụ lục kèm theo, phần đầu hoàn thành ở mức cao nhất.

Điều 3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu: Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2024, góp phần thực hiện thành công Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021- 2025, Hội đồng nhân dân huyện nhấn mạnh một số nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Đẩy mạnh phát triển các loại cây trồng có lợi thế và giá trị kinh tế cao; ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trồng trọt, chăn nuôi; đưa các giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất; kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc và chất lượng các loại giống cây trồng, vật nuôi. Khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ; xây dựng các mô hình phát triển kinh tế có hiệu quả để nhân rộng. Theo dõi chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; ưu tiên phát triển đàn gia súc, gia cầm theo hướng tập trung gắn với bảo vệ môi trường và đi đôi với phòng, chống dịch bệnh. Xây dựng, phát triển một số sản phẩm chủ lực của huyện, gắn với nâng cao hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP, phần đầu năm 2024 có thêm 03 sản phẩm đạt 03 sao.

2. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai, chú trọng công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về ứng phó với thiên tai, chú trọng tại các điểm dân cư sinh sống, sản xuất tại các khu vực ven sông, suối có nguy cơ cao ảnh hưởng, thiệt hại bởi thiên tai cao (*ven sông Đăk Blà, Đăk PNe, Đăk SNghé, Đăk A Kôi...*). Rà soát, đề xuất điều chỉnh bổ sung danh mục kêu gọi thu hút đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư đến địa bàn khảo sát, nghiên cứu đầu tư các dự án có tiềm năng, lợi thế như: Phát triển điện gió, điện mặt trời, du lịch; trồng rừng, trồng cây công nghiệp...gắn với giải quyết việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững.

3. Kiểm tra, kiểm soát thị trường, kiên quyết xử lý hàng giả, hàng lậu, kém chất lượng, bán hàng đa cấp vi phạm pháp luật. Chủ động áp dụng các biện pháp kiểm soát hoạt động tín dụng, hạn chế phát sinh nợ xấu; tiếp tục ưu tiên cho vay lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp, hợp tác xã. Quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, huy động, lòng ghép các nguồn lực để triển khai thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm trên địa bàn như: Cầu qua sông Đăk Blà tại thôn 12, xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rãy; đường Giao thông Trung tâm thị trấn huyện lỵ Kon Rãy (Khu Thương mại - Giáo dục và Dân cư phía Tây); Trường THCS Đăk Tờ Re; Trường THCS Đăk Ruồng; nâng cấp đường Hùng Vương, thị trấn Đăk Rve, huyện Kon Rãy gắn với việc thực hiện

khai thác quỹ đất mở rộng không gian khu Trung tâm huyện lỵ, hoàn thiện tiêu chí đô thị loại V.

4. Tập trung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả bền vững, đem lại sự chuyển biến tích cực rõ nét hơn đối với đời sống của Nhân dân ở các xã. Tiếp tục duy trì và giữ vững các tiêu chí đã đạt chuẩn trong giai đoạn 2016-2020, từng bước nâng cao chất lượng tiêu chí đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí quốc gia giai đoạn 2021-2025. Đến năm 2024, đạt chuẩn tăng thêm 02 tiêu chí huyện nông thôn mới ; xã Đăk Pne và xã Đăk Kôi đạt chuẩn tăng thêm mỗi xã 01 tiêu chí; 06 thôn (làng) đạt chuẩn nông thôn mới ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đảm bảo chỉ tiêu được giao; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm Luật lâm nghiệp. Thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để các dự án được triển khai đúng tiến độ. Tổ chức thực hiện nghiêm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đô thị, nông thôn.

6. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá việc quản lý và sử dụng vốn đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát chi; chú trọng các biện pháp thu ngân sách tại địa bàn, chống thất thu, xử lý nợ đọng thuế. Thực hiện nhiệm vụ chi phù hợp với khả năng cân đối ngân sách thời kỳ ổn định giai đoạn 2022-2025.

7. Thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và chính sách an sinh xã hội; lòng ghép các nguồn lực để đẩy nhanh công tác giảm nghèo bền vững; thực hiện có hiệu quả các chính sách dân tộc gắn với triển khai thực hiện Cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững*”. Duy trì các mô hình, dự án về bình đẳng giới; lòng ghép các nhiệm vụ về bình đẳng giới vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Tiếp tục huy động, lòng ghép các nguồn lực để hoàn thành mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2021-2025. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Đề cao và phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, trưởng thôn, già làng, người có uy tín tham gia thực hiện công tác tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tốt luật bảo vệ trẻ em, không để xảy ra tình trạng tảo hôn.

8. Thực hiện công tác tuyển sinh vào các cấp học; chuẩn bị cơ sở vật chất cho năm học 2024-2025. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Chú trọng việc huy động học sinh đến lớp, hạn chế tình trạng học sinh đi học không chuyên cần và bỏ học. Đổi mới công tác quản lý trường học, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Tăng cường các biện pháp nhằm đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh sau tốt

nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong giảng dạy và trong quản lý của nhà trường. Thực hiện Đề án sáp nhập các đơn vị trường năm 2024 theo lộ trình đã đề ra. Tập trung nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động về vai trò, ý nghĩa của việc học để toàn xã hội, nhất là phụ huynh học sinh thật sự quan tâm đến việc học tập của học sinh, không để học sinh bỏ học.

9. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế, từng bước hiện đại hóa các trang thiết bị khám, chữa bệnh. Nâng cao chất lượng thực hiện các chương trình quốc gia về y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân; thực hiện các chính sách ưu đãi, thu hút đội ngũ y, bác sĩ có trình độ về công tác trên địa bàn, nhất là vùng sâu, vùng xa. Quản lý tốt y dược tư nhân, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân; triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội trên địa bàn huyện đến năm 2030. Tuyên truyền nâng cao nhận thức của Nhân dân trong việc thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình; công tác phòng, chống các dịch bệnh truyền nhiễm.

10. Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc. Tuyên truyền, phổ biến và thông tin sâu rộng về ý nghĩa, mục tiêu, nội dung các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến toàn thể người dân trên địa bàn; tăng cường tiếp xúc, đối thoại, nhất là cơ chế, chính sách gắn liền với cuộc sống của người dân và hoạt động của doanh nghiệp. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh; tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào “toute dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và cuộc vận động “toute dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

11. Thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát theo kế hoạch và đột xuất, chú trọng công tác tự kiểm tra nhằm kịp thời phát hiện và xử lý những hành vi vi phạm trong các lĩnh vực; tập trung giải quyết nhanh chóng những bức xúc của Nhân dân, đề cao trách nhiệm của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương trong công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng; công khai, minh bạch và thực hiện kiên quyết, đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng.

12. Thực hiện tốt kế hoạch, phương án về đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; phòng ngừa, chủ động tấn công, trấn áp các loại tội phạm. Xây dựng lực lượng Quân sự, Công an vững mạnh nhằm phát hiện, ngăn chặn mọi âm mưu hoạt động chống phá, gây bạo loạn của các thế lực thù địch. Hoàn thành công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh; huấn luyện, diễn tập; tổ chức giao quân năm 2024 đạt 100% chỉ tiêu tỉnh giao.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện; đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Chi cục Thi hành án dân sự huyện theo chức năng, nhiệm vụ của mình tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện.

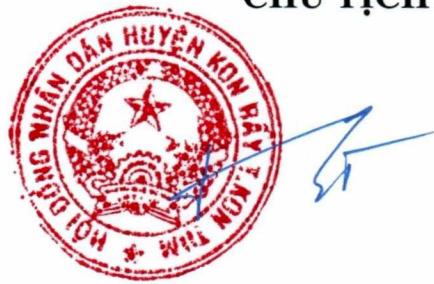
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các đoàn thể, vận động Nhân dân, đoàn viên và hội viên tích cực thực hiện và giám sát việc thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Kon Rẫy Khóa XV, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- TT. Huyện uỷ;
- TT. HĐND huyện;
- UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các Ban của HĐND huyện;
- Tổ Đại biểu HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể;
- TT. HĐND&UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo VP và các CV;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Thạch

PHỤ LỤC
CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của HĐND huyện)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2022	Năm 2023		KH năm 2024	Ghi chú
				Kế hoạch	Thực hiện năm 2023		
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ						
1	Thu nhập bình quân đầu người	Tr.đồng/người/năm	34,95	37,70	38,27	39,42	
2	Tổng giá trị sản xuất	Tỷ đồng	1.740,00	1.930,00	1.984,10	2.192,00	
-	Nông lâm - Thủy sản	Tỷ đồng	755,00	827,00	846,50	906,00	
-	Công nghiệp - Xây dựng	Tỷ đồng	512,00	578,00	598,20	682,00	
-	Thương mại - Dịch vụ	Tỷ đồng	473,00	525,00	539,40	604,00	
*	Tổng hàng hoá bán lẻ doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	135,00	150,00	150,00	163,00	
3	Nông nghiệp						
3.1	Trồng trọt						
-	Tổng diện tích gieo trồng + cây dược liệu	Ha	12.796,20	12.961,00	13.036,10	13.136,10	
+	Diện tích gieo trồng cây hàng năm	Ha	6.790,00	6.658,00	6.605,60	6.465,60	
+	Diện tích gieo trồng cây lâu năm	Ha	5.867,00	6.163,00	6.290,00	6.530,00	
+	Diện tích gieo trồng cây dược liệu	Ha	139,20	140,00	140,50	140,50	
+	Phát triển diện tích đất rừng	Ha	344,80	331,00	336,30	240,00	
3.2	Chăn nuôi		118.375,00	119.358,00	121.759,00	123.548,00	
-	Đàn gia súc	Con	36.945,00	37.460,00	37.947,00	39.736,00	
-	Đàn gia cầm	Con	81.430,00	81.898,00	83.812,00	83.812,00	
+	Tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản	tấn	184,00	186,00	189,40	193,00	
4	Thu NSNN tại địa bàn	Triệu đồng	70.676,00	76.310,00	97.700,00	83.900,00	
5	Chi đầu tư phát triển	Triệu đồng	66.004,00	65.103,00	90.250,00	76,00	
II	CHỈ TIÊU VĂN HÓA-XÃ HỘI						
1	Dân số						
-	Dân số có mặt đầu năm	Người	30.679,00	31.355,00	31.462,00	31.800	

BỘ MÔN KHÁM DÁM

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2022	Năm 2023		KH năm 2024	Ghi chú
				Kế hoạch	Thực hiện năm 2023		
-	Tổng số người tăng trong năm (tăng TN)	Người	235,00	485,00	480,00	487,00	
-	Dân số có mặt cuối năm	Người	31.462,00	32.045,00	31.800	32.400	
-	Dân số trung bình	Người	31.070,50	31.700,00	31.651,00	32.100	
-	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,53	1,53	1,52	1,52	
2	Giải quyết việc làm, vốn cho vay						
-	Vốn cho vay	Tr. đồng	6.275,00	9.000,00	9.000,00	9.000,00	
-	<i>Trong đó:</i>						
-	Vốn bù sung trong năm	Tr. đồng	4.570,00	7.100,00	7.100,00	7.100,00	
-	Vốn thu hồi	Tr. đồng	1.705,00	1.900,00	1.900,00	1.900,00	
3	Giảm nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều						
-	Tổng số hộ	Hộ	7.448,00	7.550,00	7.580,00	7.610,00	
-	Số hộ nghèo	Hộ	1.257,00	776,00	797,00	457	
-	Tỷ lệ hộ nghèo (chuẩn nghèo mới)	%	16,88	10,28	10,51	6,01	
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	50,00	52,70	52,70	53,50	
4	Giáo dục và Đào tạo						
*	Học sinh có mặt đầu năm	Học sinh	8.887,00	9.040,00	9.120,00	9.320,00	
-	Giáo dục mầm non	Học sinh	2.389,00	2.410,00	2.393,00	2.380,00	
+	Nhà trẻ	Học sinh	289,00	300,00	304,00	305,00	
+	Mẫu giáo	Học sinh	2.100,00	2.110,00	2.089,00	2.075,00	
-	Giáo dục phổ thông	Học sinh	6.443,00	6.574,00	6.687,00	6.900,00	
+	TH	Học sinh	3.685,00	3.703,00	3.662,00	3.670,00	
+	THCS	Học sinh	2.196,00	2.270,00	2.422,00	2.590,00	
-	THPT	Học sinh	562,00	601,00	603,00	640,00	
-	Bổ túc văn hóa	Học sinh	55,00	56,00	40,00	40,00	
*	Tỷ lệ huy động học sinh đi học đúng độ tuổi	%					
-	Trong độ tuổi đi học mẫu giáo (từ 3-5 tuổi)	%	98,00	98,00	98,00	98,00	



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2022	Năm 2023		KH năm 2024	Ghi chú
				Kế hoạch	Thực hiện năm 2023		
-	Học sinh mẫu giáo 5 tuổi	%	100,00	100,00	100,00	100,00	
-	Học sinh tiểu học	%	100,00	100,00	100,00	100,00	
-	Học sinh THCS	%	98,00	98,00	98,00	98,00	
-	Huy động trẻ trong độ tuổi 6-10 tuổi vào TH	%	100,00	100,00	100,00	100,00	
-	Huy động trẻ 11-14 tuổi vào THCS	%	98,00	98,00	98,00	98,00	
-	Tỷ lệ PCGD tiểu học đúng độ tuổi	%	90,00	90,00	90,00	90,00	
-	Tỷ lệ phổ cập THCS	%	85,00	87,00	88,00	88,00	
-	Tỷ lệ xã được công nhận giáo dục Mầm non 5 tuổi	%	100,00	100,00	100,00	100,00	
*	Số trường đạt chuẩn quốc gia	trường	8,00	9,00	9,00	9,00	
5	Y tế						
-	Tổng số giường bệnh	Giường	145,00	145,00	145,00	145,00	
+	Bệnh viện	Giường	100,00	100,00	100,00	100,00	
+	Phòng khám khu vực	Giường	15,00	15,00	15,00	15,00	
+	Trạm Y tế	Giường	30,00	30,00	30,00	30,00	
+	Tỷ lệ xã có trạm Y tế	%	100,00	100,00	100,00	100,00	
-	Số giường bệnh/vạn dân	Giường/vạn dân	37,00	36,28	36,28	36,28	
-	Số bác sỹ/vạn dân	Bsỹ/vạn dân	6,40	9,46	9,46	9,46	
-	Tỷ lệ trẻ em suy sinh dưỡng theo chiều cao xuống còn	%	20,50	19,80	19,40	19,00	
-	Tỷ lệ trẻ em suy sinh dưỡng theo cân nặng xuống còn	%	17,50	16,80	16,80	16,80	
6	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	97,14	97,89	97,89	98,01	
7	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm xã hội	%	18,60	18,80	18,80	18,98	
8	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm thất nghiệp trong độ tuổi lao động	%	9,40	9,50	8,30	8,81	
9	Tỷ lệ bao phủ BHXH tự nguyện	%	8,10	8,20	8,10	8,17	



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2022	Năm 2023		KH năm 2024	Ghi chú
				Kế hoạch	Thực hiện năm 2023		
10	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	95,20	99,00	99,00	99,10	
11	Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa	%	84,00	85,00	93,96	95,00	
12	Tỷ lệ thôn, làng đạt danh hiệu thôn làng văn hóa	%	89,80	91,84	95,92	97,96	
13	Tỷ lệ dân tộc thiểu số có đất ở	%	99,81	99,90	99,87	99,90	
14	Tỷ lệ dân tộc thiểu số có đất sản xuất	%	99,58	99,60	99,60	99,70	
III	QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ						
1	Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố	%	87,50	trên 90%	trên 90%	trên 90%	
2	Tỷ lệ xã, thị trấn có phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đạt từ loại khá trở lên	%		100,00	100,00	100,00	
3	Công chức cấp xã đạt chuẩn trình độ đào tạo chức danh, vị trí việc làm	%	100,00	100,00	100,00	100,00	